

Số: 277 /NMĐTB2-KTATMT

Thái Bình, ngày 12 tháng 02 năm 2025

V/v cung cấp báo giá dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa và vật tư tiêu hao, thay thế cho hệ thống Clo ngoài trạm bơm nước làm mát tuần hoàn.

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đang có nhu cầu triển khai mua sắm dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa và vật tư tiêu hao, thay thế cho hệ thống Clo ngoài trạm bơm nước làm mát tuần hoàn. Được biết Quý Công ty là đơn vị có năng lực, kinh nghiệm trong việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ tương tự, đề nghị Quý Công ty quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá cho danh mục hàng hóa và dịch vụ nói trên với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc:
  - ✓ Danh mục hàng hoá và dịch vụ như đính kèm;
  - ✓ Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành tối thiểu 12 tháng.
- Tiến độ cung cấp hàng hóa và dịch vụ: Do Nhà cung cấp đề xuất nhưng không muộn hơn 5 tuần kể từ ngày ký Hợp đồng;
- Địa điểm giao hàng: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
- Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày báo giá.
- Thời gian gửi báo giá: không muộn hơn 15h00 ngày 20/02/2025.
- Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Công ty.
- Phương thức gửi báo giá: Gửi trực tiếp qua bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.
- Thông tin liên hệ:
  - ✓ Người nhận: Nguyễn Văn Kỳ Thanh, Phòng KTATMT;
  - ✓ Địa chỉ: Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
  - ✓ Số điện thoại liên hệ: 0978.107.284; Email: [thanhnvk@pvpgb.vn](mailto:thanhnvk@pvpgb.vn);

Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CNPĐ DK (để b/c);
- GĐ NM (để b/c);
- Phòng: TM (để t/h);
- Lưu: VT, KTATMT (N.V.K.T: b).

**Đính kèm:**

- Phạm vi công việc.

TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK  
KT. GIÁM ĐỐC NMND THÁI BÌNH 2  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Chung

Xã Mỹ Lộc - huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình

ĐT: 02273.721.515; Fax: 02273.721.678



**PHỤ LỤC 01: Phạm vi công việc cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa và vật tư tiêu hao, thay thế  
cho hệ thống Clo ngoài trạm bơm nước làm mát tuần hoàn**

*Đính kèm Công văn số: 277 /NMĐTB2-KTATMT ngày 12 tháng 02 năm 2025*

| A               | PHẦN VẬT TƯ            |                                                                                                                                                                              |                |        |          |
|-----------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------|----------|
|                 | Tên vật tư             | Thông số kỹ thuật/vị trí lắp                                                                                                                                                 | Xuất xứ/ Model | Đơn vị | số lượng |
| I               | PHÒNG CHỨA BÌNH CLO    |                                                                                                                                                                              |                |        |          |
|                 | Bộ phát hiện clo rò rỉ | Sensor phát hiện clo rò rỉ<br>- Phạm vi hiển thị : 0.1ppm-10ppm<br>- Nhiệt độ hoạt động: -20°C đến 50°C<br>- Vỏ bảo vệ NEMA 4X (IP 65)<br>- Tín hiệu truyền dẫn 4 - 20 mA DC | De nora - Mỹ   | Cái    | 2        |
| II              | BỘ HÓA HƠI             |                                                                                                                                                                              |                |        |          |
| Bộ hoá hơi A    |                        | Gasket ; Sap.no W2T12754                                                                                                                                                     | Mỹ             | Cái    | 2        |
|                 |                        | Gasket ; Sap.no W2T14847                                                                                                                                                     | Mỹ             | Cái    | 1        |
|                 |                        | Anode ; Sap.no W2T18490                                                                                                                                                      | Mỹ             | Cái    | 4        |
|                 |                        | Spare Parts Kit (replacement gaskets); Sap.no W3T110050                                                                                                                      | Mỹ             | Cái    | 1        |
|                 |                        | Gasket; Sap.no W2T15004                                                                                                                                                      | Mỹ             | Cái    | 1        |
|                 |                        | Lead Gasket; Sap.no W2T16384                                                                                                                                                 | Mỹ             | Cái    | 1        |
|                 |                        | Gasket; Sap.no W2T18054                                                                                                                                                      | Mỹ             | Cái    | 1        |
|                 |                        | O-ring (012) Viton, 3/8" ID x 1/2" OD (for Chlorine sulphur Dioxide Use Only)<br>; Sap.no W2T11775                                                                           | Mỹ             | Cái    | 2        |
|                 |                        | Level control Board; Sap.no W3T135215                                                                                                                                        | Mỹ             | Cái    | 1        |
|                 |                        | Mounting Pad Gasket; Sap.no W2T12752                                                                                                                                         | Mỹ             | Cái    | 1        |
|                 |                        | Gasket; Sap.no W2T12753                                                                                                                                                      | Mỹ             | Cái    | 2        |
| Bộ hoá hơi B, C |                        | Gasket ; Sap.no W2T12754                                                                                                                                                     | Mỹ             | Cái    | 4        |
|                 |                        | Gasket ; Sap.no W2T14847                                                                                                                                                     | Mỹ             | Cái    | 2        |
|                 |                        | Spare Parts Kit (replacement gaskets); Sap.no W3T110050                                                                                                                      | Mỹ             | Cái    | 2        |
|                 |                        | Gasket; Sap.no W2T15004                                                                                                                                                      | Mỹ             | Cái    | 2        |
|                 |                        | Lead Gasket; Sap.no W2T16384                                                                                                                                                 | Mỹ             | Cái    | 2        |
|                 |                        | Gasket; Sap.no W2T18054                                                                                                                                                      | Mỹ             | Cái    | 2        |
|                 |                        | O-ring (012) Viton, 3/8" ID x 1/2" OD (for Chlorine sulphur Dioxide Use Only)<br>; Sap.no W2T11775                                                                           | Mỹ             | Cái    | 4        |
|                 |                        | Mounting Pad Gasket; Sap.no W2T12752                                                                                                                                         | Mỹ             | Cái    | 2        |
|                 |                        | Gasket; Sap.no W2T12753                                                                                                                                                      | Mỹ             | Cái    | 4        |



|            | Tên vật tư                                                       | Thông số kỹ thuật/vị trí lắp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Xuất xứ/ Model | Đơn vị | số lượng |
|------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------|----------|
|            | <b>Van giảm áp điện<br/>( thay mới 01 cái theo bộ hóa hơi A)</b> | Van giảm áp điện (Pressure Reducing Valve) Model: 71P11A03<br>Mã hiệu: 71P11A 03<br>Xuất xứ: De Nora - Mỹ<br>- Công suất max: 240 kg/h<br>- Loại van điều khiển bằng động cơ điện 240V, 50Hz<br>- Áp suất hoạt động lớn nhất : 300 psig (~ 20.7 bar)<br>- Phạm vi cài đặt: 15-45 psi; Cài đặt tại 40 psi (~2.76 bar)<br>- Tự động đóng/mở theo tín hiệu nhiệt độ nước/mức nước từ bộ hóa hơi.<br>- Thân van : Thép đúc ASTM A105; màng Kynar<br>- Kết nối đầu vào/ra: DN25, PN 40.<br>- Đường vent : 1/4" NPT | De Nora- Mỹ    | Cái    | 1        |
|            | <b>Cụm điều chỉnh chân không</b>                                 | DIAPHRAGM (HYPALON) ; Sap.no W2T15239                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mỹ             | Cái    | 1        |
|            |                                                                  | GASKET ; Sap.no W2T9795                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mỹ             | Cái    | 1        |
|            |                                                                  | DIAPHRAGM (FOR CHLORINE) ; Sap.no W2T15240                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mỹ             | Cái    | 1        |
|            |                                                                  | O-RING (010) HYPALON, 1/4" ID x 3/8" OD ; Sap.no W2T15233                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mỹ             | Cái    | 1        |
|            |                                                                  | O-RING (122) TFE, 1-1/8" ID x 1-5/16" OD ; Sap.no W2T17172                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mỹ             | Cái    | 1        |
|            |                                                                  | LEAD GASKET ; Sap.no W2T376042                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mỹ             | Cái    | 1        |
|            |                                                                  | O-RING (232) VITON, 2-3/4" ID x 3" OD (FOR CHLORINE, CARBON DIOXIDE, & SULFUR DIOXIDE) ; Sap.no W2T13588                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mỹ             | Cái    | 1        |
|            |                                                                  | O-RING (5-457) HYPALON, 10-15/64" ID x 10-3/8" ; Sap.no W2T14062                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mỹ             | Cái    | 1        |
|            |                                                                  | RING GASKET ; Sap.no W2T375928                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mỹ             | Cái    | 1        |
|            |                                                                  | DIAPHRAGM ; Sap.no W2T14904                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mỹ             | Cái    | 1        |
|            |                                                                  | SPRING ; Sap.no W2T376141                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mỹ             | Cái    | 1        |
|            |                                                                  | GASKET (LEAD) ; Sap.no W2T15250                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mỹ             | Cái    | 1        |
|            |                                                                  | PREVENTIVE MAINTENANCE KIT ; Sap.no W3T97795                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mỹ             | Cái    | 1        |
| <b>III</b> | <b>TỦ ĐỊNH LƯỢNG</b>                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                |        |          |
|            | <b>Tủ định lượng</b>                                             | O-RING, 012 BUNA N ; Sap.no W2T376757                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mỹ             | Cái    | 1        |
|            |                                                                  | O-RING, HYPALON 1-7/8" ID x 2-3/8" OD; Sap.no W2T375928                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mỹ             | Cái    | 6        |
|            |                                                                  | O-RING, #318 HYPALON; Sap.no W2T19365                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mỹ             | Cái    | 1        |
|            |                                                                  | GASKET, PLUG SEAL ; Sap.no W2T16507                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mỹ             | Cái    | 1        |
|            |                                                                  | GASKET, WINDOW; Sap.no W2T375977                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mỹ             | Cái    | 1        |
|            |                                                                  | GASKET; Sap.no W2T19808                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mỹ             | Cái    | 2        |
|            |                                                                  | GASKET, KOROSEAL, 1/8" THICK; Sap.no W2T19811                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mỹ             | Cái    | 1        |
|            |                                                                  | GASKET, KOROSEAL, 1/16" THICK; Sap.no W2T17266                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mỹ             | Cái    | 1        |
|            |                                                                  | O-RING, HYPALON 1-7/8" ID x 2-5/8" OD; Sap.no W2T376066                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mỹ             | Cái    | 2        |
|            |                                                                  | GASKET, .030 THICK, TEFLON; Sap.no W2T19780                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mỹ             | Cái    | 5        |
|            |                                                                  | O-RING, VITON, #119; Sap.no W2T16731                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mỹ             | Cái    | 1        |
|            |                                                                  | PREVENTIVE MAINTENANCE KIT; Sap.no W3T110055                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mỹ             | Cái    | 1        |



|           | Tên vật tư                                                                                           | Thông số kỹ thuật/vị trí lắp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Xuất xứ/ Model | Đơn vị   | số lượng                                                                               |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>IV</b> | <b>EJECTOR</b>                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                |          |                                                                                        |
|           | Ejector thay mới (Thử nghiệm loại vật liệu mới)                                                      | - Model: 806E065U07<br>- Thông số kỹ thuật chính:<br>+ Công suất max: 200 kg/h<br>+ Kết nối mặt bích<br>+ Vật liệu chế tạo: Thân: nhựa cao cấp, chịu được va đập, chịu Clo ; Toàn bộ các chi tiết khác chịu ăn mòn của Clo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Denora/Mỹ      | Cái      | 1                                                                                      |
| <b>V</b>  | <b>PHỤ KIỆN ỚNG NHỰA SAU EJECTOR</b>                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                |          |                                                                                        |
|           |                                                                                                      | Ớng nhựa PVC DN100                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Asia           | Mét      | 9                                                                                      |
| <b>B</b>  | <b>PHẦN DỊCH VỤ</b>                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                |          |                                                                                        |
|           | Tên dịch vụ                                                                                          | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị         | Số lượng | Ghi chú                                                                                |
|           | Dịch vụ sửa chữa - cái tạo đường ống góp khí clo ( phần đường ống ra từ bình clo đến bộ hóa hơi clo) | - Tháo dỡ hệ thống đường ống góp khí clo cũ từ bình clo đến bộ hóa hơi<br>- Tháo dỡ hệ thống giá đỡ đường ống từ bình clo đến bộ hóa hơi<br>- Tháo, vệ sinh bảo dưỡng các van tay, van điện từ bình clo đến bộ hóa hơi<br>- Tháo, vệ sinh bảo dưỡng các van đầu bình clo, ống đồng, bộ gông<br>- Tháo, vệ sinh bảo dưỡng các đồng hồ áp suất trên đường ống góp khí clo<br>- Tháo, vệ sinh bảo dưỡng hệ thống bình giãn nở, vệ sinh bảo dưỡng các công tắc áp lực, thay thế các đĩa an toàn hỏng<br>- Lắp mới hệ thống đường ống góp khí clo mới, các tê, cút trên đường ống, sơn màu vàn theo đúng tiêu chuẩn clo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>Cụm</b>     | <b>1</b> | Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, thiết bị đưa vào vận hành ổn định, an toàn sau khi bảo dưỡng |
|           | Dịch vụ sửa chữa - bảo dưỡng bộ hóa hơi số 1,2                                                       | - Cô lập bộ hóa hơi cần bảo dưỡng khỏi hệ thống làm việc<br>- Tháo, vệ sinh bảo dưỡng toàn bộ bộ hóa hơi<br>- Bọc bảo ôn bộ hóa hơi số 1,2<br>- Cắt điện tháo các thiết bị cũ hỏng: tủ điều khiển, switch mức, switch nhiệt độ, sensor nhiệt độ, đồng hồ nhiệt độ vệ sinh sạch, bảo dưỡng kiểm tra, test thông số làm việc, Cài đặt ngưỡng liên động, bảo vệ cho các thiết bị đúng theo trị số quy định trong tài liệu kỹ thuật của hệ thống;<br>- Tháo bo mạch điều khiển bộ hóa hơi số 1 đã hỏng, thay bo mạch mới, đấu nối các tín hiệu, rắc cắm các thiết bị vào bo mạch mới.<br>- Tháo các chi tiết bên trong bộ hóa hơi, vệ sinh, bảo dưỡng, thu hồi các chi tiết thay thế định kỳ cần thay, thay các chi tiết mới, lắp hoàn thiện<br>- Tháo cụm van an toàn, vệ sinh bảo dưỡng van, công tắc áp lực, thay thế đĩa hỏng<br>- Tháo, vệ sinh hệ thống đường cấp nước vào và ra bộ hóa hơi, bảo dưỡng các van tay, van điện đường nước vào ra<br>- Tháo, vệ sinh, bảo dưỡng bơm cấp nước vào bộ hóa hơi, thay bi, thay phốt hỏng<br>- Chạy hệ thống, kiểm tra toàn bộ các thông số, trạng thái, chức năng vận hành tự động của hệ thống;<br>- Nghiệm thu theo yêu cầu kỹ thuật. | <b>Bộ</b>      | <b>3</b> | Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, thiết bị đưa vào vận hành ổn định, an toàn sau khi bảo dưỡng |



|  | Tên vật tư                                             | Thông số kỹ thuật/vị trí lắp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Xuất xứ/ Model | Đơn vị | số lượng                                                                               |
|--|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------|----------------------------------------------------------------------------------------|
|  | Dịch vụ sửa chữa - bảo dưỡng bộ lọc khí clo            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tháo bộ lọc ra khỏi vị trí làm việc</li> <li>- Vệ sinh đường ống trước và sau bộ lọc khí clo</li> <li>- Tháo rời các chi tiết bộ lọc, vệ sinh bảo dưỡng rô lọc, tháo bỏ bông lọc cũ, vệ sinh ruột bộ lọc, thay bông lọc mới</li> <li>- Tháo bỏ gioăng làm kín cũ, thay gioăng mới</li> <li>- Lắp hoàn thiện bộ lọc sau bảo dưỡng</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cái            | 6      | Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, thiết bị đưa vào vận hành ổn định, an toàn sau khi bảo dưỡng |
|  | Dịch vụ sửa chữa - thay mới các van giảm áp điện       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cắt nguồn điện cấp vào van giảm áp điện</li> <li>- Tháo van ra khỏi vị trí làm việc, vệ sinh đường ống trước và sau van giảm áp</li> <li>- Thay thế van mới, đấu điện cho van giảm áp mới, kết nối vào hệ thống hiện hữu</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Cái            | 3      | Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, thiết bị đưa vào vận hành ổn định, an toàn sau khi bảo dưỡng |
|  | Dịch vụ sửa chữa - bảo dưỡng cụm điều chỉnh chân không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tháo rời cụm điều chỉnh chân không khỏi vị trí làm việc</li> <li>- Vệ sinh đường ống trước và sau cụm điều chỉnh chân không</li> <li>- Tháo van giảm áp đằng trước, tháo cục điều khiển điện của van, vệ sinh bảo dưỡng phần động cơ điện</li> <li>- Tháo thân van giảm áp, vệ sinh bảo dưỡng các chi tiết trong van, tháo bỏ các chi tiết cần thay thế, thay chi tiết mới</li> <li>- Tích hợp lại van sau khi bảo dưỡng</li> <li>- Tháo rời các chi tiết bộ điều chỉnh chân không, vệ sinh bảo dưỡng toàn bộ</li> <li>- Thay thế các chi tiết bảo dưỡng định kỳ</li> <li>- Tích hợp lại bộ điều chỉnh chân không sau bảo dưỡng</li> <li>- Tích hợp van giảm áp và bộ điều chỉnh chân không, lắp về vị trí làm việc, test kiểm tra</li> </ul> | Bộ             | 3      | Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, thiết bị đưa vào vận hành ổn định, an toàn sau khi bảo dưỡng |
|  | Dịch vụ sửa chữa - bảo dưỡng bộ định lượng             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tháo rời bộ định lượng</li> <li>- Vệ sinh đường ống trước và sau bộ định lượng</li> <li>- Tháo rời các cụm chi tiết bộ định lượng</li> <li>- Vệ sinh bảo dưỡng cụm ống thủy định lượng, thay thế các chi tiết bảo dưỡng định kỳ</li> <li>- Tháo rời cụm trimmê vavle, vệ sinh bảo dưỡng các chi tiết bên trong, thay thế các chi tiết bảo dưỡng định kỳ</li> <li>- Tháo rời cụm DIFFERENTIAL VALVE, vệ sinh bảo dưỡng các chi tiết, thay thế các chi tiết bảo dưỡng định kỳ</li> <li>- Tháo rời DRAIN VALVE UNIT, vệ sinh bảo dưỡng các chi tiết, thay thế các chi tiết bảo dưỡng định kỳ</li> <li>- Tích hợp lại các cụm chi tiết sau bảo dưỡng, lắp lại bộ định lượng, chạy test, đưa về vị trí làm việc</li> </ul>                         | Bộ             | 3      | Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, thiết bị đưa vào vận hành ổn định, an toàn sau khi bảo dưỡng |
|  | Dịch vụ sửa chữa - thay mới các Ejector                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tháo rời các ejector ra khỏi vị trí làm việc</li> <li>- Vệ sinh đường ống trước và sau ejector</li> <li>- Thay thế các ejector mới</li> <li>- Tích hợp vào hệ thống hiện hữu</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Cái            | 1      | Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, thiết bị đưa vào vận hành ổn định, an toàn sau khi bảo dưỡng |
|  | Dịch vụ sửa chữa - cải tạo đường ống nhựa sau ejector  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tháo dỡ đường ống PVC sau ejector</li> <li>- Vệ sinh, bảo dưỡng các đồng hồ áp suất lắp sau ejector</li> <li>- Tháo, vệ sinh bảo dưỡng các van tay, van một chiều</li> <li>- Thay các đoạn ống rò rỉ, thay các mặt bích nhựa rò rỉ</li> <li>- Lắp đặt hoàn thiện hệ thống đường ống vào ejector, chạy kiểm tra áp, độ kín</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Cụm            | 1      | Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, thiết bị đưa vào vận hành ổn định, an toàn sau khi bảo dưỡng |



|  | Tên vật tư                                                           | Thông số kỹ thuật/vị trí lắp                                                                                                                                                                                                     | Xuất xứ/ Model | Đơn vị | số lượng                                                                               |
|--|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------|----------------------------------------------------------------------------------------|
|  | Dịch vụ sửa chữa - bảo dưỡng bơm tăng áp                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tháo rời bơm tăng áp</li> <li>- Vệ sinh bảo dưỡng toàn bộ bơm</li> <li>- Thay bi định kỳ</li> <li>- Kiểm tra thay thế phớt cơ khí</li> <li>- Lắp lại bơm vào vị trí làm việc</li> </ul> | Cái            | 2      | Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, thiết bị đưa vào vận hành ổn định, an toàn sửa khi bảo dưỡng |
|  | Dịch vụ sửa chữa- bảo trì bảo dưỡng hệ phát hiện clo rò rỉ           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tháo rời, vệ sinh bảo dưỡng bộ điều khiển</li> <li>- Thay thế cả sensor hồng</li> <li>- Tích hợp lại , test thử, đưa vào trạng thái vận hành</li> </ul>                                 | Bộ             | 3      | Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, thiết bị đưa vào vận hành ổn định, an toàn sửa khi bảo dưỡng |
|  | Dịch vụ sửa chữa - bảo trì bảo dưỡng hệ thống tủ điện điều khiển     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vệ sinh, bảo dưỡng toàn bộ linh kiện trong tủ</li> </ul>                                                                                                                                | HT             | 1      | Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, thiết bị đưa vào vận hành ổn định, an toàn sửa khi bảo dưỡng |
|  | Dịch vụ sửa chữa - chạy thử, hướng dẫn vận hành, nghiệm thu hệ thống | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hướng dẫn, vận hành, chạy thử toàn bộ hệ thống</li> </ul>                                                                                                                               | HT             | 1      | Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, thiết bị đưa vào vận hành ổn định, an toàn sửa khi bảo dưỡng |

